

An Dương, ngày 07 tháng 12 năm 2021

Số: 01/2021/QĐHG-KDTM

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thẩm phán ra quyết định: Trương Minh Huế

Căn cứ vào Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 14, Điều 4; các điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 19 tháng 11 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa:

- Người khởi kiện: Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển N (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, L, phường T1, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Ngô Quốc L1 sinh năm 1980; địa chỉ: Số 648, N1, phường T2, quận H, thành phố Hải Phòng; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển N, Chi nhánh huyện A, Bắc Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (theo Giấy ủy quyền số 349/UQ-NHNo.AD-TH ngày 15 tháng 6 năm 2021).

- Người bị kiện: Ông Tống Văn T, sinh năm 1963 và bà Ngô Thị C, sinh năm 1966; đều có nơi cư trú: Thôn N2, xã H1, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án,

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển N; địa chỉ trụ sở chính: Số 02, L, phường T1, quận B, Thành phố Hà Nội và ông Tổng Văn T sinh năm 1963, bà Ngô Thị C sinh năm 1966; đều có nơi cư trú: Thôn N2, xã H1, huyện A, thành phố Hải Phòng.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

- Về số nợ: Tính đến hết ngày 17 tháng 11 năm 2021, ông Tổng Văn T và bà Ngô Thị C còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2102-LAV-201901525 ngày 13 tháng 11 năm 2019, Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 2102-LDS-20190 ngày 15 tháng 11 năm 2019 số tiền là 273.754.412 đồng, (Trong đó: Nợ gốc là 240.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 22.984.668 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.456.767 đồng, phạt chậm trả lãi là 312.977 đồng).

- Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Tổng Văn T và bà Ngô Thị C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 17 tháng 11 năm 2021 là 273.754.412 đồng, (Trong đó: Nợ gốc là 240.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 22.984.668 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.456.767 đồng, phạt chậm trả lãi là 312.977 đồng) và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2102-LAV-201901525 ngày 13 tháng 11 năm 2019, Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 2102-LDS-20190 ngày 15 tháng 11 năm 2019 kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2021 cho đến khi ông T, bà C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về thời hạn trả nợ: Ông Tổng Văn T và bà Ngô Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tối thiểu 3.000.000 đồng/tháng, chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng, kể từ tháng 11 năm 2021 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, ông T, bà C phải thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông T, bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ ở bất kỳ tháng nào thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng gồm:

Giá trị quyền sử dụng diện tích 83,2 m² đất theo kết quả xem xét hiện trạng tài sản và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 397, tờ bản đồ số 37, tại thôn N2, xã H1, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hành số BE 899991, số vào sổ cấp CH.00053 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 27 tháng 5 năm 2011 đứng tên ông Tổng Văn T và bà Ngô Thị C (đã được Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện A, Sở Tài nguyên và Môi trường Hải

Phòng điều chỉnh biến động theo các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07 tháng 6 năm 2011 và ngày 01 tháng 6 năm 2011)

Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là ông Tống Văn T, bà Ngô Thị C; nếu thiếu, ông T, bà C phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Đối với diện tích đất 50,8m² và tài sản gắn liền với đất ông Tống Văn T và bà Ngô Thị C đang sử dụng thuộc đất công do Nhà nước quản lý, khi phát mại tài sản, người mua tài sản bảo đảm được quản lý sử dụng phần tài sản này cho đến khi có quyết định của Cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền.

(Hiện trạng tài sản thế chấp có sơ đồ chi tiết kèm theo)

- Về chi phí hòa giải: Ngân hàng và ông Tống Văn T, bà Ngô Thị C mỗi bên phải chịu 750.000 đồng chi phí hòa giải. Ngân hàng và ông Tống Văn T, bà Ngô Thị C mỗi bên đã nộp 750.000 đồng tạm ứng chi phí hòa giải theo Phiếu thu ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Dương. Ngân hàng và ông Tống Văn T, bà Ngô Thị C đã nộp đủ chi phí hòa giải.

- Về chi phí xem xét hiện trạng tài sản: Ngân hàng và ông Tống Văn T, bà Ngô Thị C mỗi bên phải chịu 2.500.000 đồng chi phí xem xét hiện trạng tài sản. Ngân hàng và ông Tống Văn T, bà Ngô Thị C mỗi bên đã nộp 2.500.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét hiện trạng tài sản theo Phiếu thu ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân huyện An Dương. Ngân hàng và ông Tống Văn T, bà Ngô Thị C đã nộp đủ chi phí xem xét hiện trạng tài sản.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Các bên;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, Tòa án.

THẨM PHÁN

Trương Minh Huế

